

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2019/HSST

Ngày: 07/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Ngọc Hạnh.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Phụng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75 /HSST ngày 01 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Thị Kim C; Sinh năm: 1991, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Số 836, khóm M, phường 3, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Con ông Phạm Thanh N, sinh năm 1963 và Bà Huỳnh Thị Bé U (đã chết); Tiền sự: 00; Tiền án: 01, ngày 18/8/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, bị can đã chấp hành án xong ngày 29/4/2017; bị tạm giữ ngày 31/5/2018, bị bắt tạm giam ngày: 03/6/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thanh H. Sinh năm 1996, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Bùi Văn X, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; Tiền sự: 00; Tiền án: 00; bị tạm giữ ngày 31/5/2018, bị bắt tạm giam ngày: 03/6/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thành S, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Y, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bùi Văn X, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã O, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Đặng Đăng K, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 17 Lý Tự Trọng Phường Ph, Quận NK, Thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 15 Đường 54, Khu dân cư 586, Phường PT, Quận R, Thành phố Cần Thơ.

5/ Nguyễn Minh U, sinh năm: 1997(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã O, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6/ Nguyễn Thị M, sinh năm: 1977(Có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 30/5/2018, tại phòng số 09, thuộc nhà trọ thuộc ấp BL, xã TB, huyện G, tỉnh Tiền Giang, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an huyện G phối hợp Công an xã TB tiến hành kiểm tra bắt quả tang Phạm Thị Kim C đang cất giấu 22 (hai mươi hai) gói nylon màu trắng bên trong chứa tinh thể trong suốt, theo lời C khai trong 22 gói này chỉ có 02 gói nylon chứa ma túy đá (ma túy tổng hợp), sau đó tiến hành bắt khẩn cấp Bùi Thanh H vào lúc 3 giờ 10 phút ngày 31/5/2018 tại nhà trọ trên về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

Phạm Thị Kim C có tên thật là Phạm Thị Kim C, còn có tên thường gọi khác là Y, N. Tuy nhiên khi bị Công an khám xét và bắt quả tang do lo sợ nên C khai tên giả là Phạm Thị Hoàng Yến.

Phạm Thị Kim C và Bùi Thanh H thuê nhà trọ ở ấp BL, xã TB, huyện G, tỉnh Tiền Giang sống chung như vợ chồng và đều sử dụng ma túy, các bị cáo sử dụng ma túy cùng nhau nhiều lần. Ngày 30/5/2018 H điện thoại nhờ Nguyễn Thành S mua dùm 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng nhằm mục đích cùng C sử dụng. Khi S đến phòng trọ đưa ma túy cho H thì đi cùng với Z, không rõ họ tên, địa chỉ. Do không có tiền nên H kêu Z lên gác gặp C lấy điện thoại của C để cản trở nợ. Z lên gác và C đưa điện thoại Samsung J7 của C cho Z, Z đưa lại cho S.

Khi có ma túy, H sử dụng một ít ma túy cùng với Ngoan, ngụ ở xã Mỹ Tịnh An, huyện G, tỉnh Tiền Giang không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Sau đó, H đi ra ngoài, C lấy số ma túy còn lại phân chia thành 03 gói và cất 02 gói nhằm mục đích không cho H sử dụng hết, còn lại 01 gói C để lại trong hộp viết cho H, khi H quay lại phòng có rủ C sử dụng ma túy nhưng C không sử dụng nên H sử dụng hết gói. Sau đó H có việc đi về nhà, khi H quay lại phòng trọ thì bị bắt.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị cáo khai:

Các bị cáo sống chung với nhau như vợ chồng, quá trình chung sống các bị cáo thường xuyên cùng nhau sử dụng ma túy, khoảng 10 lần, nguồn ma túy do bị cáo H mua về để cùng sử dụng.

Khoảng 06 giờ sáng ngày 30/5/2018, H gọi điện cho Nguyễn Thành S mua 400.000 đồng ma túy, sau đó khoảng 6 giờ 30 phút H nhắn tin kêu S khi giao ma túy thì đem theo 400.000 đồng đưa H, H sẽ lấy điện thoại của C đưa S để cầm cho

S trừ nợ còn thiếu trước đó và trừ tiền mua ma túy. Đến khoảng 4 giờ chiều ngày 30/5/2018 thì S và Z đến phòng trọ của H và C để giao ma túy. Khi đó H kêu Z lên gác và kêu C đưa điện thoại Samsung J7 của C cho Z để Z đưa cho S trừ nợ, C có đưa điện thoại. Sau khi S và Z về thì H sử dụng ma túy với Ng, H có rủ nhưng C không sử dụng.

Sau đó H đi ra Bưu điện lấy hàng mua cho con và để gói ma túy còn lại trong hộp viết ở trên gác. Sau khi H đi thì C lấy gói ma túy H để lại phân chia thành 3 gói nhỏ, C cất giấu 02 gói nylon chứa ma túy ở hai nơi khác nhau trong phòng, còn lại 01 gói chứa ma túy thì C để lại chỗ hộp viết trên gác cho H. Sau khi H quay lại phòng trọ thì H lấy gói ma túy ở hộp viết và rủ C sử dụng nhưng C không sử dụng nên H sử dụng hết. Mục đích C phân chia ma túy và cất giấu bớt do C sợ H sử dụng một lần hết số ma túy nên C cất để dành, khi nào H cần thì đưa H và C cùng sử dụng. Sau khi sử dụng xong ma túy thì H đi về nhà. Đến khuya H quay lại phòng trọ thì bị bắt.

Tại phiên tòa bị cáo H khai thống nhất với bị cáo C về quá trình mua và sử dụng ma túy cũng như về diễn biến vụ án, bị cáo H khai tuy không biết việc C sốt ma túy và cất giấu lại nhưng bị cáo thừa nhận C khai mục đích sốt ma túy và cất giấu lại nhằm để dành cho C và bị cáo cùng sử dụng sau vì sợ bị cáo sử dụng hết một lần là phù hợp và có cơ sở, vì trước đây cũng nhiều lần hết ma túy thì C có đưa cho bị cáo ma túy để sử dụng. Quá trình chung sống, nguồn ma túy đều do bị cáo mua để bị cáo và C cùng sử dụng tại phòng trọ, do bị cáo C không có nghề nghiệp và thu nhập, không có điều kiện mua ma túy, mọi chi phí sinh hoạt đều do bị cáo cung cấp. Số ma túy bị cáo mua về phòng trọ ngày 30/5/2018 và bị thu giữ là do bị cáo mua của S, mục đích cùng C sử dụng, bị cáo đồng ý lời khai của bị cáo C.

Đối với việc 20 gói không có chứa ma túy bị Cơ quan điều tra thu giữ tại phòng trọ của bị cáo và C ngày 30/5/2018 thì bị cáo không biết.

*** Vật chứng trong vụ án:**

- + Một hộp nhựa màu xanh trắng có dòng chữ CoolAir.
- + 02 bịch nylon màu trắng chứa tinh thể trong suốt được cho vào gói niêm phong đánh số 1, có các chữ ký ghi họ tên Người bị bắt Phạm Thị Hoàng Y, Kiểm sát viên Lê Văn Nguyên, Điều tra viên Võ Tuấn Kiệt và người chứng kiến Bùi Thanh H.
- + 20 bịch nylon màu trắng chứa tinh thể trong suốt được cho vào gói niêm phong đánh số 2, có các chữ ký ghi họ tên Người bị bắt Phạm Thị Hoàng Y, Kiểm sát viên Lê Văn Nguyên, Điều tra viên Võ Tuấn Kiệt và người chứng kiến Bùi Thanh H.
- + 01 điện thoại di động Mobistar LAI72.

Tại Bản Cáo trạng số 49/CT-VKSND CG ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Kim C và Bùi Thanh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Phạm Thị Kim C và Bùi Thanh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử: phạt bị cáo Phạm Thị Kim C từ 01 đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử: phạt bị cáo Bùi Thanh H từ 01 đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 hộp nhựa màu xanh trắng có dòng chữ CoolAir.

+ 02 gói niêm phong vụ số 103/1 và 103/2 ngày 01/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang có chữ ký ghi họ tên của Giám định viên Nguyễn Thanh Trường, Trợ lý giám định Nguyễn Thị Kiều Linh và bên nhận Nguyễn Hoàng Lâm.

- Trao trả cho bị cáo Phạm Thị Kim C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar LAI72

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai Eo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử X xét và giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở X xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nhân thân bị cáo: Khi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, Phạm Thị Kim C khai tên là Phạm Thị Hoàng Yến, sinh năm 1994, ngụ ấp Bình Hòa, xã BI, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, theo C khai do lo sợ chịu trách nhiệm hình sự nên C không khai họ tên thật. Tuy nhiên quá trình điều tra, có cơ sở xác định Phạm Thị Hoàng Yến có tên thật là Phạm Thị Kim C, sinh năm: 1991, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số 836, khóm M, phường 3, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; Con ông Phạm Thanh N, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Bé U (đã chết). Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can, khởi tố bị can Phạm Thị Kim C và được Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn.

[3] Về lời khai và hành vi của các bị cáo:

Quá trình tố tụng và tại phiên toà, các bị cáo khai thống nhất về quá trình việc các bị cáo sống chung với nhau như vợ chồng, cùng nhau sử dụng ma túy nhiều lần, nguồn ma túy do bị cáo H mua. Bị cáo C không có nghề nghiệp và thu nhập, không có điều kiện mua ma túy, mọi chi phí sinh hoạt đều do bị cáo H cung cấp. Nguồn ma túy bị cáo H mua về phòng trọ mục đích cùng C sử dụng là do bị cáo mua của S. Ngày 30/5/2018 bị cáo H mua ma túy của S, mục đích cùng C sử dụng, nhưng C không sử dụng nên H sử dụng cùng đối tượng tên Ngoan. Sau khi sử dụng, bị cáo H để gói ma túy còn lại trong phòng, sau đó C đã phân chia và cất giấu lại 02 gói, mục đích để dành cho C và H sử dụng lần sau.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo C về việc trước đây bị cáo cũng cất giấu ma túy do H mua nhiều lần, mục đích không cho H sử dụng quá nhiều trong một lần và phù hợp với việc bị cáo H khai tại phiên toà trong quá trình chung sống có những lúc bị cáo có nhu cầu sử dụng ma túy thì C có đưa ma túy cho bị cáo sử dụng, nhưng bị cáo không biết ma túy ở đâu C có. Mặt khác, theo nội dung bản tự khai ngày 31/5/2018 của bị cáo H thì bị cáo khai: “Gói ma túy mà lực lượng Công an thu giữ là của tôi mua của S ở ấp Y với giá 400.000 đồng do tôi và Y (tên gọi khác của bị cáo C) không sử dụng hết nên cất trong lon chờ đến khi nào muốn sử dụng thì lấy ra sử dụng”.

Lời khai của các bị cáo thống nhất với trong quá trình tố tụng, phù hợp lời khai tại phiên toà, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đối với 20 gói bị Cơ quan điều tra thu giữ bị cáo C biết bên trong không có ma túy do S và Z đến phòng bị cáo, nói chuyện nên bị cáo nghe và biết trong đó không có ma túy. Sau đó S và Z về nên bị cáo cất 20 gói này, do S để lại nên bị cáo cất chứ không có mục đích gì.

[4] Về Kết luận giám định:

- Theo Kết luận giám định số 103/KLGD-PC54 ngày 01/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang:

+ Gói 1: Mẫu tinh thể trong suốt trong 02 gói nylon màu trắng được hàn kín, để trong một gói niêm phong (ký hiệu 1) có các chữ ký ghi họ tên: Phạm Thị Hoàng Y (Người bị bắt), Bùi Thanh H (Người chứng kiến), Lê Văn Nguyên (Kiểm sát viên) và Võ Tuấn Kiệt (Điều tra viên); gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1622 gam, loại Methamphetamine.

+ Gói 2: Mẫu tinh thể trong suốt trong 20 (hai mươi) gói nylon màu trắng được hàn kín, để trong một gói niêm phong (ký hiệu 2) có các chữ ký ghi họ tên: Phạm Thị Hoàng Y (Người bị bắt), Bùi Thanh H (Người chứng kiến), Lê Văn Nguyên (Kiểm sát viên) và Võ Tuấn Kiệt (Điều tra viên); gửi giám định không tìm thấy thành phần ma túy, có khối lượng 2,2468 gam.

[5] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: từ những chứng cứ trên đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Phạm Thị Kim C và Bùi Thanh H đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó Cáo trạng số 49/CT-VKSNDCTG ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị

cáo Phạm Thị Kim C và Bùi Thanh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về Điều luật áp dụng:

Đối với bị cáo Phạm Thị Kim C: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Bùi Thanh H: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Nhận định hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được rằng ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm, việc tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm, các bị cáo biết rõ những tác hại trực tiếp do ma túy gây ra đối với con người cũng như những tác hại gián tiếp cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn tàng trữ ma túy để cùng nhau sử dụng, thể hiện việc xem thường pháp luật, cần xử lý thật nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo C có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Đối với bị cáo H là người trực tiếp mua ma túy cùng với C sử dụng và nguồn tiền mua ma túy cũng là của bị cáo, nên mức hình phạt của các bị cáo là ngang nhau.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét đến việc các bị cáo thành khẩn khai Eo, ăn năn hối cải, đối với bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có ông và chú là Liệt sĩ, có bà là người có công với Cách mạng, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 hộp nhựa màu xanh trắng có dòng chữ CoolAir

+ Đối với 02 gói niêm phong vụ số 103/1 và 103/2 ngày 01/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang có chữ ký ghi họ tên của Giám định viên Nguyễn Thanh Trường, Trợ lý giám định Nguyễn Thị Kiều Linh và bên nhận Nguyễn Hoàng Lâm: là ma túy còn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- Trao trả cho bị cáo C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar LAI72.

Đối với chiếc xe bị cáo H khai bị thu giữ biển số 65K1-0884, số khung 710405: quá trình tố tụng có cơ sở xác định xe do ông Đặng Văn E đứng tên chủ sở hữu, ông E đã bán chiếc xe trên cho người không rõ họ tên, địa chỉ vào năm 2000. Hiện ông E đã mất, anh Đặng Đăng K- đại diện gia đình ông E xác định cha anh đã bán xe nên gia đình không có ý kiến và yêu cầu gì. Chiếc xe này đã được Ông Nguyễn Văn H mua lại nhưng chưa làm thủ tục S tên, ông H giao xe cho con

là Nguyễn Minh U làm phương tiện đi lại và U đã cầm xe cho bị cáo H, do xác định chiếc xe không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã giao trả xe lại cho gia đình bị cáo H. Việc tranh chấp về chiếc xe nếu có sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thành S: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2018 tại ấp BL, xã TB, huyện G, tỉnh Tiền Giang, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an huyện G phối hợp Công an xã TB tiến hành kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Thành S đang cất giấu 01 gói nylon màu trắng để trong túi áo phía trước ngực bên trái S đang mặc trên người, bên trong chứa tinh thể trong suốt theo lời S khai là ma túy đá.

Theo Kết luận giám định số 106/KLGD-PC54 ngày 02/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: Mẫu tinh thể trong suốt trong 01 (một) gói nylon màu trắng được hàn kín, để trong một gói niêm phong có các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Thành S (Người bị bắt), Nguyễn Trung Quân (Người chứng kiến), Nguyễn Thị Phương Ngọc (Kiểm sát viên) và Nguyễn Văn Cường (Điều tra viên); gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0854 gam loại Methamphetamine.

Qua xác minh, S không có tiền án, tiền sự và đã bỏ địa phương đi. Hành vi của Nguyễn Thành S không đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S.

Đối với việc bị cáo H khai mua ma túy của Nguyễn Thành S: theo Biên bản xác minh tại địa phương thì hiện Nguyễn Thành S đã bỏ địa phương đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đang tiếp tục điều tra làm rõ, trường hợp có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng tên Z, Ng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay không xác minh được họ tên và địa chỉ cụ thể của đối tượng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đang tiếp tục điều tra làm rõ, trường hợp có căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu về các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết vụ án. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Kim C và Bùi Thanh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử: phạt bị cáo Phạm Thị Kim C 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử: phạt bị cáo Bùi Thanh H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 hộp nhựa màu xanh trắng có dòng chữ CoolAir.

+ 02 gói niêm phong vụ số 103/1 và 103/2 ngày 01/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang có chữ ký ghi họ tên của Giám định viên Nguyễn Thanh Trường, Trợ lý giám định Nguyễn Thị Kiều Linh và bên nhận Nguyễn Hoàng Lâm.

- Trao trả cho bị cáo Phạm Thị Kim C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar LAI72.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G.
- Công an huyện G.
- Cơ quan CSĐTCA huyện G.
- Nhà tạm giữ Công an huyện G.
- Bộ phận thi hành án phạt tù.
- Thi hành án dân sự huyện G.
- Bị cáo.

(Đã ký)

Trần Ngọc Hạnh

